

Số: 04/2026/QĐST-DS

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 17/2026/TLST-DS ngày 08/6/2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1975, CCCD số: 006174004463, cấp ngày 02/7/2021;

- *Bị đơn*: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1963, CCCD số: 030057011219, cấp ngày 09/5/2021 và bà Triệu Thị N, sinh năm 1957, CCCD số: 006157003743, cấp ngày 09/5/2021;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Triệu Văn T, sinh năm 1971; CCCD số: 006071003382, cấp ngày 02/7/2021

Đều cùng địa chỉ: Thôn B, xã C, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị K, bị đơn ông Phạm Văn T và bà Triệu Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Triệu Văn T thống nhất thoả thuận:

Ông Phạm Văn T và bà Triệu Thị N tự nguyện trả lại cho bà Nguyễn Thị K và ông Triệu Văn T phần đất tranh chấp có diện tích là 363,3 m², thuộc thửa đất số 440, tờ bản đồ 76, địa chỉ đất tại thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cũ, nay là thôn B, xã C, tỉnh Thái Nguyên, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP529753 ngày 04/02/2009, tên người sử dụng đất là hộ ông Triệu Văn T và bà Nguyễn Thị K. Vị trí đất được giới hạn bởi các điểm A, B, 12, C, A (Theo trích đo của Công ty cổ

phần DHAN GROUP ngày 27/7/2026).

Ông Phạm Văn T và bà Triệu Thị N tự nguyện tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản ra khỏi phần đất tranh chấp có diện tích 363,3 m² nêu trên trước ngày 30/12/2026, tài sản gồm có: 02 (hai) cây hồng không hạt, đường kính mỗi cây 02 cm; 01 (một) cây mỡ chài năm thứ nhất; cây sắn trồng trên diện tích 01 m²; cỏ chăn nuôi (cỏ voi) trồng trên diện tích 08 m²; 07 (bảy) cái cống thoát nước, mỗi cống đường kính 100 cm, dài 2,5 m; 03 (ba) cái cống thoát nước, mỗi cống đường kính 60 cm, dài 01 m.

Trường hợp đến hạn ngày 30/12/2026 mà ông Phạm Văn T và bà Triệu Thị N không thực hiện theo thỏa thuận thì bà Nguyễn Thị K và ông Triệu Văn T có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để yêu cầu áp dụng biện pháp buộc thi hành hoặc cưỡng chế thi hành nghĩa vụ đối với ông T và bà N theo quy định pháp luật.

2.2. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn T và bà Triệu Thị N tự nguyện liên đới chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 4.200.000 đồng (*bốn triệu hai trăm nghìn đồng*), xác nhận ông T và bà N đã nộp đủ chi phí tố tụng. Bà Nguyễn Thị K được trả lại số tiền 4.200.000 đồng (*bốn triệu hai trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng, xác nhận bà K đã nhận đủ số tiền nộp tạm ứng chi phí tố tụng.

2.3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị K tự nguyện chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm với số tiền là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số: 0002458 ngày 05/6/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Nguyên, bà K được hoàn trả số tiền 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều 7 và Điều 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND khu vực 7 – Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Triệu Văn Mẫn

